| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ DẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 126/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vui.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trường Tam

2. Bà Phan Thị Kiên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 344/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2019/QĐST-HN ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1990.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thái D, sinh năm: 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày*: Chị và anh Lê Thái D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn do vợ chồng bán chi phí trong gia đình. Anh chị có 01 con chung tên Lê D Khải Minh, sinh ngày 12/3/2015 hiện chị đang nuôi, không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Trong thời gian chung sống anh chị thường phát sinh mâu thuẫn cải vã về kinh tế, anh D đi làm không phụ giúp cho gia đình mà đam mê cờ bạc thiếu nợ nhiều lần, trong khi đó một mình chị phải lo chi phí cho cả gia đình vừa phải trả nợ cho anh D. Chị khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi nên chị và anh D sống ly thân từ tháng 3-2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh D có đến thăm con nhưng không bàn bạc việc đoàn tụ, hiện tại vợ chồng

chị không còn tình cãm với nhau nên không thể tiếp tục chung sống, do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Thái D*: Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; con chung, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, giáo dục, anh D không cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Thái D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và chị Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Lê Thái D chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T yêu cầu ly hôn, do anh D đi làm mà không phụ kinh tế gia đình lại đam mê cờ bạc, chị đã khuyên nhủ và tha thứ rất nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi và anh chị sống ly thân từ tháng 3-2019 cho đến nay. Xét thấy, anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ anh D không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh D không tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền nuôi con tên Lê D Khải Minh, sinh ngày 12/3/2015, riêng anh D không ý kiến. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân cháu Minh sống chung với chị T đã ổn định được chị trông nom, chăm sóc phát triển tốt. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Minh cho chị T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này anh D có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T với anh Lê Thái D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê D Khải Minh, sinh ngày 12/3/2015. Chị T không yêu cầu nên anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009158 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vui**